

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
២០១០២០២

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 1/2010**

THÁNG 3 NĂM 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		866.253.472.640	316.220.179.937
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	255.541.711.504	201.794.435.381
1. Tiền	111		8.941.711.504	9.494.435.381
2. Các khoản tương đương tiền	112		246.600.000.000	192.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	50.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.046.182.875	28.631.551.673
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	3.276.054.494	11.893.865.497
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	23.094.427.318	15.502.734.509
3. Phải thu nội bộ	133	V.4	-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.675.701.063	1.234.951.667
IV. Hàng tồn kho	140		547.827.919.090	1.277.948.906
1. Hàng tồn kho	141	V.5	547.827.919.090	1.277.948.906
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.837.659.171	34.516.243.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.351.817	185.549.977
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.6	33.511.627.419	32.704.086.798
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.306.679.935	1.626.607.202
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		270.662.420.591	806.336.472.974
I. Tài sản cố định	220		171.470.231.053	591.170.283.436
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.869.292.270	6.094.253.797
- Nguyên giá	222		7.959.767.069	7.858.499.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.090.474.799)	(1.764.245.272)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.053.681.333	1.024.000.000
- Nguyên giá	228		1.054.528.000	1.024.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(846.667)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	164.547.257.450	584.052.029.639
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	98.340.000.000	214.364.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	158.884.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		83.340.000.000	40.480.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		15.000.000.000	15.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		852.189.538	802.189.538
1. Tài sản dài hạn khác	268	V.8	852.189.538	802.189.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.136.915.893.231	1.122.556.652.911

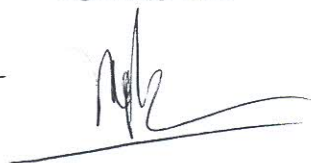
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010
Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			31/03/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		59.121.085.195	147.707.563.388
I. Nợ ngắn hạn	310		25.905.942.659	147.358.563.388
1. Phải trả người bán	312	V.13	4.469.394.037	7.032.147.705
2. Người mua trả tiền trước	313	V.13	3.930.639.538	113.841.076.353
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1.502.576.415	2.906.680.918
4. Phải trả người lao động	315	V.15	2.164.393.756	1.826.316.978
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	11.442.809.161	20.864.749.234
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.15	2.396.129.752	887.592.200
II. Nợ dài hạn	330		33.215.142.536	349.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		349.000.000	349.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		27.448.847.460	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		5.417.295.076	-
B. NGUỒN VỐN	400		1.060.632.156.333	974.849.089.523
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.060.632.156.333	974.849.089.523
1. Vốn điều lệ	411		1.000.000.000.000	937.620.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.077.326.587	1.439.147.403
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.077.326.587	1.439.147.403
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		56.477.503.159	34.350.794.717
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		17.162.651.703	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.136.915.893.231	1.122.556.652.911

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

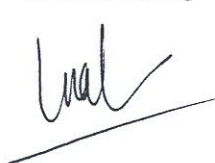
- | | 31/03/2010 | 01/01/2010 |
|--|------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | |
| 2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công | | |
| 3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi | | |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | |
| 5. Ngoại tệ các loại (USD) | | |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | |

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân

Tổng Giám đốc




Bùi Minh Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 1/2010
Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Quý 1/2010	Quý 1/2009
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	VI.18	120.481.126.812	-
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		120.481.126.812	-
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	VI.19	89.173.456.364	-
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		31.307.670.448	-
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	6.648.279.635	5.431.652.402
6. Chi phí tài chính	22	VI.21	-	-
7. Chi phí bán hàng	24	VI.22	265.389.368	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.23	5.985.129.754	4.313.622.180
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.705.430.961	1.118.030.222
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		16.563.932	-
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		(16.563.932)	-
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết	45		-	-
15. Lợi nhuận trước thuế	50		31.688.867.029	1.118.030.222
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		954.315.888	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		5.417.295.076	-
18. Lợi nhuận sau thuế	60		25.317.256.065	1.118.030.222
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	52		(348.297)	-
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	50		25.317.604.362	1.118.030.222
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu

Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng

Vũ Thị Kim Ngân

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



Bùi Minh Chính

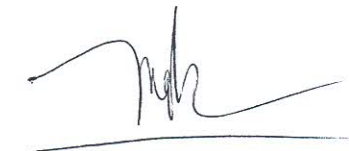
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Số	
		Quý 1/2010	Quý 1/2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.688.867.029	1.118.030.222
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	327.076.194	307.474.308
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(6.506.239.449)	-
Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	25.509.703.774	1.425.504.530
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.496.740.306	13.875.870.263
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(171.882.003.578)	(261.250.056)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(118.096.244.298)	(6.783.946.579)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	166.198.160	124.025.850
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.679.637.173)	2.402.816.380
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(430.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(265.915.242.809)	10.783.020.388
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	44.705.009.583	(42.288.909.042)
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	-	-
Tiền chi cho vay các công ty khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay từ các công ty khác	24	50.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(42.860.000.000)	53.350.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.075.661.888	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	56.920.671.471	(217.411.271.637)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	235.293.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	27.448.847.460	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.316.420.208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	262.741.847.460	(1.316.420.208)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	53.747.276.122	20.527.691.138
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	201.794.435.381	190.574.573.936
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	255.541.711.503	211.102.265.074

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc




Bùi Minh Chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí là một công ty cổ phần (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 đăng ký lần đầu vào ngày 29 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp. Đăng ký thay đổi lần 4 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 0305284081 ngày 07 tháng 08 năm 2009.

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí bắt đầu hoạt động vào ngày 01 tháng 11 năm 2007.

Vốn điều lệ Công ty là 1.000.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 149 – đường Nguyễn Cửu Vân – phường 17 – quận Bình Thạnh – TPHCM.

Công ty có 01 công ty con (góp vốn 89.9% vốn điều lệ) sẽ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309612230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 27 tháng 11 năm 2009 với tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại số 90, đường Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị, văn phòng, cảng biển, cảng sông.
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.
- Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý dự án đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán, pháp luật).
- Kinh doanh bất động sản.
- Mua bán vật tư, thiết bị ngành xây dựng.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở)
- Sản giao dịch bất động sản./.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ yêu cầu các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

105 / 05 / 01 / 01 / 01 / 01 / 01 / 01 / 01 / 01

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hoá đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

5. Các khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hoá đơn tại thời điểm báo cáo, khi hợp đồng xây dựng đã ký quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

Khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải trả đã nhận được hoá đơn tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập, chi phí trong kỳ. Khấu hao được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>LOẠI TÀI SẢN</u>	<u>SỐ NĂM</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 08 năm
Máy móc thiết bị	02 – 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05 năm
Tài sản cố định khác	03 – 10 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2010
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ sách lớn hơn giá thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ ngắn hạn: là các khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hay trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Nợ dài hạn: là các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm hay trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hoá đơn, hợp đồng và phân bổ không quá 02 năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh - Quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ đã được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế 25% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, Công ty đã thu tiền của khách hàng theo tiến độ mà chưa xác định được chi phí tương ứng thì Công ty tạm kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu được tiền. Khi bàn giao bất động sản công ty sẽ quyết toán lại số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm/kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính/ cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hay toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm, tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó thuế thu nhập sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2010
 Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và nguyên tắc xác định giá vốn hàng bán

Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao sang người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo và khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Khi thực hiện các dự án xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị: Doanh thu chủ yếu thu được từ các hợp đồng dài hạn về mua bán nhà ở và chuyển nhượng đất có hạ tầng.
 - + Đối với trường hợp chuyển nhượng đất có hạ tầng: Doanh thu ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đất có hạ tầng được hai bên ký kết và đã có biên bản bàn giao mốc giới.
 - + Đối với trường hợp xây dựng và kinh doanh văn phòng, trung tâm thương mại, nhà ở: Công ty vận dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 “Hợp đồng xây dựng” vào việc hạch toán doanh thu. Theo đó: Doanh thu thực hiện các dự án xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị được ghi nhận tương ứng với phần công việc xây dựng đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Giá vốn

Đối với các dự án xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị: chi phí giá vốn được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai, xây dựng, thiết bị và phí khác ước tính để hoàn tất dự án, công trình. Chi phí giá vốn của hợp đồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ báo cáo.

Công ty thống nhất việc ghi nhận Doanh thu và chi phí đối với hoạt động xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị được ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) hoàn thành. Theo phương pháp này doanh thu được xác định phù hợp với chi phí đã phát sinh của khối lượng công việc đã hoàn thành thể hiện trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và áp dụng nhất quán từ niên độ kế toán này sang niên độ kế toán khác.

15. Bên liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	200.572.703	242.493.686
Tiền gửi ngân hàng	8.741.138.801	9.251.941.695
Các khoản tương đương tiền	246.600.000.000	192.300.000.000
	<u>255.541.711.504</u>	<u>201.794.435.381</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ủy thác quản lý vốn	-	50.000.000.000
	<u>-</u>	<u>50.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2010

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/03/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải thu khách hàng về hoạt động kinh doanh BĐS	3.276.054.494	11.893.865.497
Trả trước cho người bán về hoạt động kinh doanh BĐS	10.981.125.000	10.621.800.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	12.113.302.318	4.880.934.509
	26.370.481.812	27.396.600.006

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải thu khác(*)	1.675.701.063	1.234.951.667
	1.675.701.063	1.234.951.667

(*) Trong đó:

- Tiền lãi trích trước:	1.430.577.561đ
- Tiền học phí của CBCNV:	240.432.070đ

5. Hàng tồn kho

Là chỉ phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình tư vấn quản lý dự án và các dự án kinh doanh bất động sản.

	31/03/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các công trình tư vấn quản lý dự án		
+ Công trình Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu	503.171.970	488.315.652
+ Công trình Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh	294.356.811	146.470.489
+ Công trình Số 46 Trương Định	85.282.677	22.412.328
+ Công trình Dragon Tower	928.000.642	550.863.606
+ Khu dân cư Vị Thanh – Hậu Giang	107.171.713	32.391.968
+ Nhà làm việc XN. Xây lắp & XN. DV Vietsovpetro	60.727.233	
+ Viện dầu khí	113.952.413	37.494.863
	2.092.663.459	1.277.948.906
Các dự án kinh doanh bất động sản		
+ Chung cư Petroland	102.687.047.037	-
+ Chung cư Mỹ Phú	170.940.991.025	-
+ Dự án đường vành đai 2	4.504.406.758	-
+ Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	267.585.590.811	-
	545.718.035.631	-
Công cụ, dụng cụ	17.220.000	-

* Từ 01/01/2010, đối với các hoạt động kinh doanh chính của Công ty, Công ty sử dụng TK “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để tổng hợp tính giá thành và không sử dụng TK “Xây dựng cơ bản dở dang” nữa. Do đó, Công ty điều chỉnh hạch toán chi phí từ TK “Xây dựng cơ bản dở dang” về TK “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để theo dõi.

6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/03/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế GTGT được khấu trừ	33.511.627.419	32.704.086.798
	33.511.627.419	32.704.086.798

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo Tài chính quý 1/2010 Trang 9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2010

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tạm ứng	797.623.935	1.101.551.202
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn(*)	509.056.000	525.056.000
	1.306.679.935	1.626.607.202

(*)Trong đó:

- Tiền cọc thuê văn phòng:	169.056.000đ
- Ký quỹ HĐ 004-2007/PMH(\$20.000):	320.000.000đ
- Ký quỹ cho Cty. Điện lực Hiệp Phước:	10.000.000đ
- Ký quỹ làm thẻ taxi – Công ty Mỹ Phú:	10.000.000đ

8. Phải thu dài hạn khác

	31/03/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ký quỹ, ký cược dài hạn	852.189.538	802.189.538
	852.189.538	802.189.538

Trong đó:

- Ký quỹ làm thẻ VISA cho Ban Lãnh đạo:	150.000.000đ
- Ký quỹ tạm ứng cho PVC-MS:	647.189.538đ
- Ký quỹ khắc phục cơ sở hạ tầng tại Chung cư Petroland Q.2:	50.000.000đ

9. Tăng giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 01/01/2010	3.045.469.782		4.034.159.711	778.869.576	7.858.499.069
- Mua trong năm		22.718.000			22.718.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư tại ngày 31/03/2010	3.045.469.782	22.718.000	4.034.159.711	778.869.576	7.881.217.069
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2010	418.814.956		966.533.893	378.896.423	1.764.245.272
- Khấu hao trong kỳ	91.333.332		168.089.991	64.905.801	324.329.124
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư tại ngày 31/03/2010	510.148.288		1.134.623.884	443.802.224	2.088.574.396
Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày 01/01/2010	2.626.654.827		3.067.625.817	399.973.153	6.094.253.797
- Tại ngày 31/03/2010	2.535.321.494	22.718.000	2.899.535.826	335.067.352	5.792.642.672

10. Tăng giảm TSCĐ vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư tại ngày 01/01/2010	1.024.000.000	-	-	1.024.000.000
- Mua trong năm				
- Tạo từ nội bộ doanh nghiệp				
- Tăng do hợp nhất kinh doanh				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2010

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

- Tăng khác				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư tại ngày 31/03/2010	1.024.000.000	-	-	1.024.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 01/01/2010				
- Khấu hao trong kỳ				
- Tăng khác				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư ngày 31/03/2010				
Giá trị còn lại TSCĐ vô hình				
- Tại ngày 01/01/2010	1.024.000.000	-	-	1.024.000.000
- Tại ngày 31/03/2010	1.024.000.000	-	-	1.024.000.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản

	31/03/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Chung cư Petroland	-	102.275.323.523
Dự án đường vành đai 2	-	4.504.406.758
Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	-	317.579.462.130
Dự án 16 Trưng Định	146.131.454.141	141.823.220.535
Khu đô thị mới Vũng Tàu	18.415.803.309	17.869.616.693
	164.547.257.450	584.052.029.639

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	83.340.000.000	40.480.000.000
Đầu tư dài hạn khác (**)	15.000.000.000	15.000.000.000
	98.340.000.000	55.480.000.000

(*) **Công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4200734936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 2 tháng 2 năm 2008. Trụ sở đăng ký của Công ty liên kết tại số 12, đường Cổ Loa, phường Phước Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty liên kết là 300.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 125.000.000.000 đồng tương đương với 41,67% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty liên kết.

(**) **Đầu tư dài hạn khác** phản ánh khoản đầu tư chứng khoán vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG), với số tiền đầu tư tương đương 11.54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	31/03/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Phải trả người bán	4.469.394.037	7.032.147.705
Người mua trả tiền trước	3.930.639.538	113.841.076.353
Phải trả người lao động (*)	2.164.393.756	1.826.316.978
	10.564.427.331	122.699.541.036

(*) Tiền lương tháng 3/2010 và tiền thưởng quý I/2010 chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2010
 Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế TNDN	2.679.637.173	954.315.888	2.216.382.736	1.417.570.325
Thuế thu nhập cá nhân	227.043.745	252.682.623	394.720.278	85.006.090
Cộng	2.906.680.918	1.206.998.511	2.611.103.014	1.502.576.415

Thuế Giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với mức thuế 10%;

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN phải nộp trong kỳ bao gồm:

- Thuế TNDN tạm nộp theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu tiền nhà theo tiến độ:
 + Đã tạm trích và nộp trong tháng 02/2010: 110.819.136.815 đ x 2% = 2.216.382.736 đồng
 + Tạm trích quý I/2010: 9.661.989.997 đ x 2% = 193.239.800 đồng
- Thuế TNDN hiện hành áp dụng trong kỳ là 25%: 384.645.068 đ *25% = 96.161.267 đồng

Thuế TNDN giảm trong kỳ là thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời của Trung tâm thương mại tài chính Phú Mỹ Hưng (đang kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu tiền, khi bàn giao tài sản thì sẽ quyết toán số phải nộp), cụ thể:

- Thuế TNDN hoãn lại Quý I/2010:
 $(31.307.670.448 \times 25\%) - (2.216.382.736 + 193.239.800) = 5.417.295.076đ$

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/03/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	162.682.357	12.748.907
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	350.000.000	5.350.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (**)	10.931.613.327	15.502.000.327
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.396.129.752	887.592.200
	13.838.938.913	21.752.341.434

(*) Trong đó:

- Đặt cọc của khách hàng mua – TTTMTCDK Phú Mỹ Hưng: 300.000.000đ
- Đặt cọc bảo lãnh dự thầu : 50.000.000đ

(**) Trong đó:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: 10.850.000.327đ

16. Vay dài hạn

	31/03/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Vay dài hạn	27.448.847.460	-
	27.448.847.460	-

Trong kỳ, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Công Thương chi nhánh Hồ Chí Minh, hạn mức vay là 462 tỷ đồng, thời hạn vay 5 năm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

17. Vốn chủ sở hữu

- a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2010

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Các quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	937.620.000.000	-	28.782.948.052	966.402.948.052
- Tăng vốn trong kỳ trước				
- Lãi trong kỳ trước		2.878.294.806	12.763.583.679	15.641.878.485
- Tăng khác				
- Giảm vốn trong kỳ trước				
- Lỗ trong kỳ trước			(7.195.737.014)	(7.195.737.014)
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ trước	937.620.000.000	2.878.294.806	34.350.794.717	974.849.089.523
Số dư đầu kỳ này				
- Tăng vốn trong kỳ trước				
- Lãi trong kỳ trước				
- Tăng khác	62.380.000.000	1.276.358.368	25.317.604.362	88.973.962.730
- Giảm vốn trong kỳ trước				
- Lỗ trong kỳ trước				
- Giảm khác			(3.190.895.920)	(3.190.895.920)
Số dư cuối kỳ này	1.000.000.000.000	4.154.653.174	56.477.503.159	1.060.632.156.333

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận:

	31/03/2010	31/12/2009
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	937.620.000.000
+ Vốn góp đầu kỳ	937.620.000.000	937.620.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	62.380.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.000.000.000.000	937.620.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối	56.477.503.159	34.350.794.717
	1.056.477.503.159	971.970.794.717

c. Cổ phiếu

	31/03/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 100 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền 100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần)	1.000.000.000.000	937.620.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 ngày 29 tháng 10 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản của Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1/2010	Quý 1/2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS	120.481.126.812	-
- Dự án TTTM Tài chính Phú Mỹ Hưng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu thuần	120.481.126.812	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2010

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

19. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1/2010</u>	<u>Quý 1/2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn hoạt động kinh doanh BĐS	89.173.456.364	-
- Dự án TTTM Tài chính Phú Mỹ Hưng		
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	89.173.456.364	-

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1/2010</u>	<u>Quý 1/2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.276.516.635	5.431.652.402
Lãi từ hoạt động đầu tư khác (*)	371.763.000	-
	6.648.279.635	5.431.652.402

(*) là tiền lãi thu được từ hoạt động mua lại BĐS của Sàn GDBĐS

21. Chi phí tài chính

Không phát sinh trong kỳ

22. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 1/2010</u>	<u>Quý 1/2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Chi phí vật liệu, bao bì	58.700.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí bằng tiền khác	206.689.368	-
Cộng	265.389.368	-

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1/2010</u>	<u>Quý 1/2009</u>
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	3.757.863.243	2.613.496.316
Chi phí đồ dùng văn phòng	55.969.306	70.185.509
Chi phí khấu hao TSCĐ	324.329.124	307.474.308
Thuế phí và lệ phí	30.328.396	18.398.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.052.551.503	938.432.104
Chi phí bằng tiền khác	600.132.237	135.319.841
Chi phí tìm kiếm cơ hội đầu tư	18.467.272	240.469.010
	5.839.641.081	4.323.775.580

24. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	31/03/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Ủy thác đầu tư và ủy thác quản lý vốn		
- Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	38.000.000.000	50.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	5.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản phải thu		
- Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	219.124.444	-
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	42.251.389	-
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Và Dân Dụng Dầu Khí	14.917.194.660	10.000.000.000
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	160.691.909	160.691.909
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	6.000.000.000	-

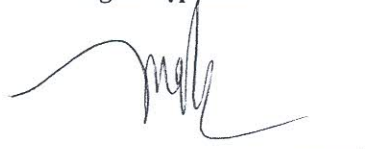
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2010
 Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	700.000	2.646.700.000
-----------------------------	---------	---------------

Các khoản phải trả

- Công ty TNHH ITV Kết cấu kim loại và lắp máy Dầu khí	647.189.538	647.189.538
- Tổng Công ty Khí Việt Nam	2.374.750.000	2.374.750.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Và Dân Dụng Dầu Khí	10.344.977.646	10.344.977.646
- Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Vietsopetro	-	801.350.000
- Tổng công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Dầu khí	64.500.000	-
- Viện Dầu khí Việt Nam	844.200.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.679.931.556	-
- Công ty CP Xây lắp INCOMEX	-	2.305.798.239

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



Bùi Minh Chính